

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01- 8 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 48/2024/TLST- HNGĐ ngày 08/4/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N - sinh ngày 23/6/1996 (Có mặt).

ĐKKHKT: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: xã B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

*** Bị đơn:** Anh Phạm Văn C - sinh ngày 07/02/1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh

Hóa ngày 20/3/2015. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh C chơi bời, nợ nần không quan tâm đến gia đình vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi. Đầu tháng 4 năm 2024 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Lê Huy P - sinh ngày 10/10/2015. Nguyên vọng của chị N khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2024 bị đơn anh Phạm Văn C trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Phạm Văn C thừa nhận như chị N trình bày về điều kiện kết hôn, ngày tháng năm và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế. Từ tháng 02 năm 2024 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N có đơn xin ly hôn thì anh C không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Lê Huy P, sinh ngày 10/10/2015. Nguyên vọng của anh C muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu phải ly hôn, anh C có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 20/5/2024 cháu Phạm Lê Huy P trình bày:*

Cháu tên là Phạm Lê Huy P, sinh ngày 10/10/2015; cháu là con của bố Phạm Văn C và mẹ Lê Thị N. Bố mẹ cháu đang giải quyết quyết ly hôn tại Tòa án. Nguyên vọng của cháu là được ở với mẹ Lê Thị N. Cháu viết bản tự khai là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn C đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Phạm Văn C không có mặt theo giấy triệu tập.*

* Tại phiên tòa chị Lê Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn C.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N; xử cho chị N được ly hôn anh Phạm Văn C. Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn C có 01 con chung là cháu Phạm Lê Huy P, sinh ngày 10/10/2015. Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu P và anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Về tài sản và nợ: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn C có địa chỉ tại xã Đ, huyện Quảng Xương và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Như vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Phạm Văn C là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; anh C cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N và anh C đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế nên hay cãi nhau. Mặt khác chị N cho rằng anh C chơi bời, nợ nần, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn của chị N và anh C hai bên gia đình nội ngoại đều biết và khuyên ngăn nhưng chị N và anh C vẫn không quay về chung sống cùng nhau. Chị N thừa nhận từ tháng đầu tháng 4 năm 2024, anh C cho rằng từ tháng 02 năm 2024 thì vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; anh Phạm Văn C không đồng ý ly hôn, nhưng anh C không đến phiên tòa và cũng không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng; dẫn đến việc chị N vẫn không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh C không thể hàn gắn được nữa nên chấp nhận nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn C có 01 con chung là cháu Phạm Lê Huy P, sinh ngày 10/10/2015.

Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu P và không yêu cầu anh Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con chung; anh Phạm Văn C cũng có nguyện vọng được nuôi cháu P và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy rằng: Nguyện vọng được nuôi con, điều kiện nuôi con của chị N và anh C là chính đáng, tuy nhiên bản thân chị N là phụ nữ nên việc dạy dỗ và sát sao với con vẫn hơn, mặt khác cháu Phạm Lê Huy P có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy giao cháu Phạm Lê Huy P cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và nợ: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Điều a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Điều b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lê Thị N.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Phạm Văn C.
- Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn C có 01 con chung là cháu Phạm Lê Huy P, sinh ngày 10/10/2015.

Giao cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Lê Huy P và anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh Phạm Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản và nợ: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0002134 ngày 08/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị Lê Thị N đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Lê Thị N, vắng mặt anh Phạm Văn C. Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã B, huyện Như Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thị Thu Thủy

